

$1/100$

Technical drawing of a building's structural frame, showing a plan view of a rectangular structure with a diagonal section. The drawing includes dimensions, grid lines, and labels for various structural elements.

Dimensions:

- Overall width: 4300
- Overall height: 5000
- Grid line spacing (horizontal): 264, 800, 1023, 1777, 1400, 2202, 1898, 900
- Grid line spacing (vertical): 1900, 3000, 4000, 1705, 1900, 3100
- Diagonal section dimensions: 1200, 2200, 7071, 2671, 7071

Grid Lines:

- Horizontal: 2, 3, 4, 5
- Vertical: C, D, E, F, G, H

Structural Elements and Labels:

- Columns: B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, B10, B11, B12, B13, B14, B15, B16, B17, B18, B19, B20, B21, B22, B23, B24, B25, B26, B27, B28, B29, B30, B31, B32, B33, B34, B35, B36, B37, B38, B39, B40, B41, B42, B43, B44, B45, B46, B47, B48, B49, B50, B51, B52, B53, B54, B55, B56, B57, B58, B59, B60, B61, B62, B63, B64, B65, B66, B67, B68, B69, B70, B71, B72, B73, B74, B75, B76, B77, B78, B79, B80, B81, B82, B83, B84, B85, B86, B87, B88, B89, B90, B91, B92, B93, B94, B95, B96, B97, B98, B99, B100
- Beams: B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, B10, B11, B12, B13, B14, B15, B16, B17, B18, B19, B20, B21, B22, B23, B24, B25, B26, B27, B28, B29, B30, B31, B32, B33, B34, B35, B36, B37, B38, B39, B40, B41, B42, B43, B44, B45, B46, B47, B48, B49, B50, B51, B52, B53, B54, B55, B56, B57, B58, B59, B60, B61, B62, B63, B64, B65, B66, B67, B68, B69, B70, B71, B72, B73, B74, B75, B76, B77, B78, B79, B80, B81, B82, B83, B84, B85, B86, B87, B88, B89, B90, B91, B92, B93, B94, B95, B96, B97, B98, B99, B100
- Diagonal section: S1, S2, S3, S4, S5, S6, S7, S8, S9, S10, S11, S12, S13, S14, S15, S16, S17, S18, S19, S20, S21, S22, S23, S24, S25, S26, S27, S28, S29, S30, S31, S32, S33, S34, S35, S36, S37, S38, S39, S40, S41, S42, S43, S44, S45, S46, S47, S48, S49, S50, S51, S52, S53, S54, S55, S56, S57, S58, S59, S60, S61, S62, S63, S64, S65, S66, S67, S68, S69, S70, S71, S72, S73, S74, S75, S76, S77, S78, S79, S80, S81, S82, S83, S84, S85, S86, S87, S88, S89, S90, S91, S92, S93, S94, S95, S96, S97, S98, S99, S100

 $\frac{1}{100}$ $\frac{1}{100}$

Figure 10-10 is a detailed architectural floor plan of a building. The plan is oriented with a grid system. The horizontal axis is labeled with numbers 2, 3, 4, and 5. The vertical axis is labeled with letters C, D, E, F, G, and H. Dimensions are provided for both axes. The building has a central core with a staircase and a large open area. The drawing is a technical architectural plan.

 $\frac{1}{100}$ [illegible]

符号	部 材 断 面	フランジ継手		ウェブ継手	備 考
		ボルト本数		ボルト本数	
		外側 添板	内側 添板	添 板	
C1 (C1A)	P - 508. ⁰ ∅ x 14				
C2	P - 406. ⁴ ∅ x 12. ⁷				
C3 (C3A)	P - 406. ⁴ ∅ x 12. ⁷				
C4	□ - 250 x 250 x 9				
C5	P - 165. ² ∅ x 6. ⁰				
C6	H - 198 x 99 x 4. ⁵ x 7				
G1 CG1	H - 198 x 99 x 4. ⁵ x 7				柱に溶接とする。
G2 CG2	H - 248 x 124 x 5 x 8	6 - M16 R - 9 x 125		2 - M16 2R - 6 x 150	
G3 CG3	H - 244 x 175 x 7 x 11	6 - M20 R - 12 x 175		2 - M20 2R - 6 x 170	
G4 CG4	H - 346 x 174 x 6 x 9	6 - M20 R - 9 x 175		3 - M20 2R - 6 x 170	
G5 CG5	H - 440 x 300 x 11 x 18	8 - M20 R - 12 x 300	R - 14 x 110	5 - M20 2R - 9 x 170	G5Aは WH-440 x 300 x 12 x 19 (22) 詳細参照
G6 CG6	WH - 722 x 300 x 14 x 22	10 - M20 R - 12 x 300	R - 16 x 110	8 - M20 2R - 9 x 170	
G11	H - 198 x 99 x 4. ⁵ x 7			2 - M20 G.R - 9	
B1	H - 198 x 99 x 4. ⁵ x 7			2 - M20 G.R - 6	
B2	H - 200 x 100 x 5. ⁵ x 8			2 - M20 G.R - 6	
B3	H - 248 x 124 x 5 x 8			2 - M20 G.R - 9	
B4	H - 294 x 200 x 8 x 12			3 - M20 2R - 6 x 175	G.R - 9
B5	H - 346 x 174 x 6 x 9			3 - M20 G.R - 9	
B6	H - 496 x 199 x 9 x 14			6 - M20 G.R - 9	梁上面頭付きスタッド 1 - 19 ∅ @ 230 H=100
B7	H - 390 x 300 x 10 x 16			4 - M20 2R - 9 x 170	G.R - 12
B10	□ - 300 x 90 x 9 x 13				後施工 マンカー M22 @ 200 チド)
B11 CB1	H - 346 x 174 x 6 x 9	6 - M20 R - 9 x 175		3 - M20 G.R - 9	CB1梁端のみ剛接。
B12 CB2	H - 390 x 300 x 10 x 16	8 - M20 R - 9 x 300	2R - 12 x 110	4 - M20 2R - 9 x 170	格子梁中央のみ剛接。
B13 CB3	H - 440 x 300 x 11 x 18	8 - M20 R - 12 x 300	2R - 14 x 110	5 - M20 2R - 9 x 170	CB3梁端のみ剛接。
V1	L - 50 x 50 x 6			2 - M16 G.R - 6	
V2	L - 65 x 65 x 6			3 - M16 G.R - 6	
V3	L - 75 x 75 x 6			4 - M16 G.R - 6	
V4	2L - 65 x 65 x 6			3 - M16 G.R - 9	
V5	2L - 75 x 75 x 6			3 - M20 G.R - 12	
母屋	□ - 75 x 40 x 5 x 7			2 - M16 G.R - 6	
根太	□ - 100 x 50 x 5 x 7. ⁵			2 - M16 G.R - 6	

長辺方向
短辺方向

D10 @ 200
D13 @ 200
D16 @ 230

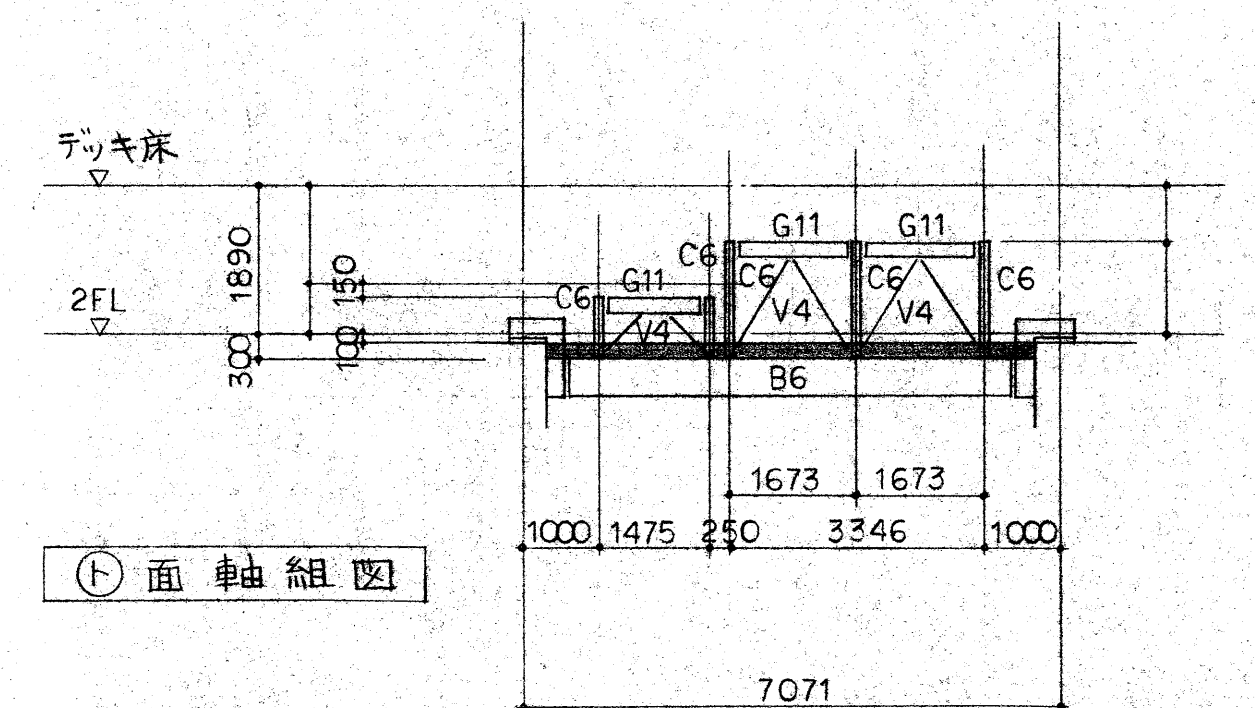
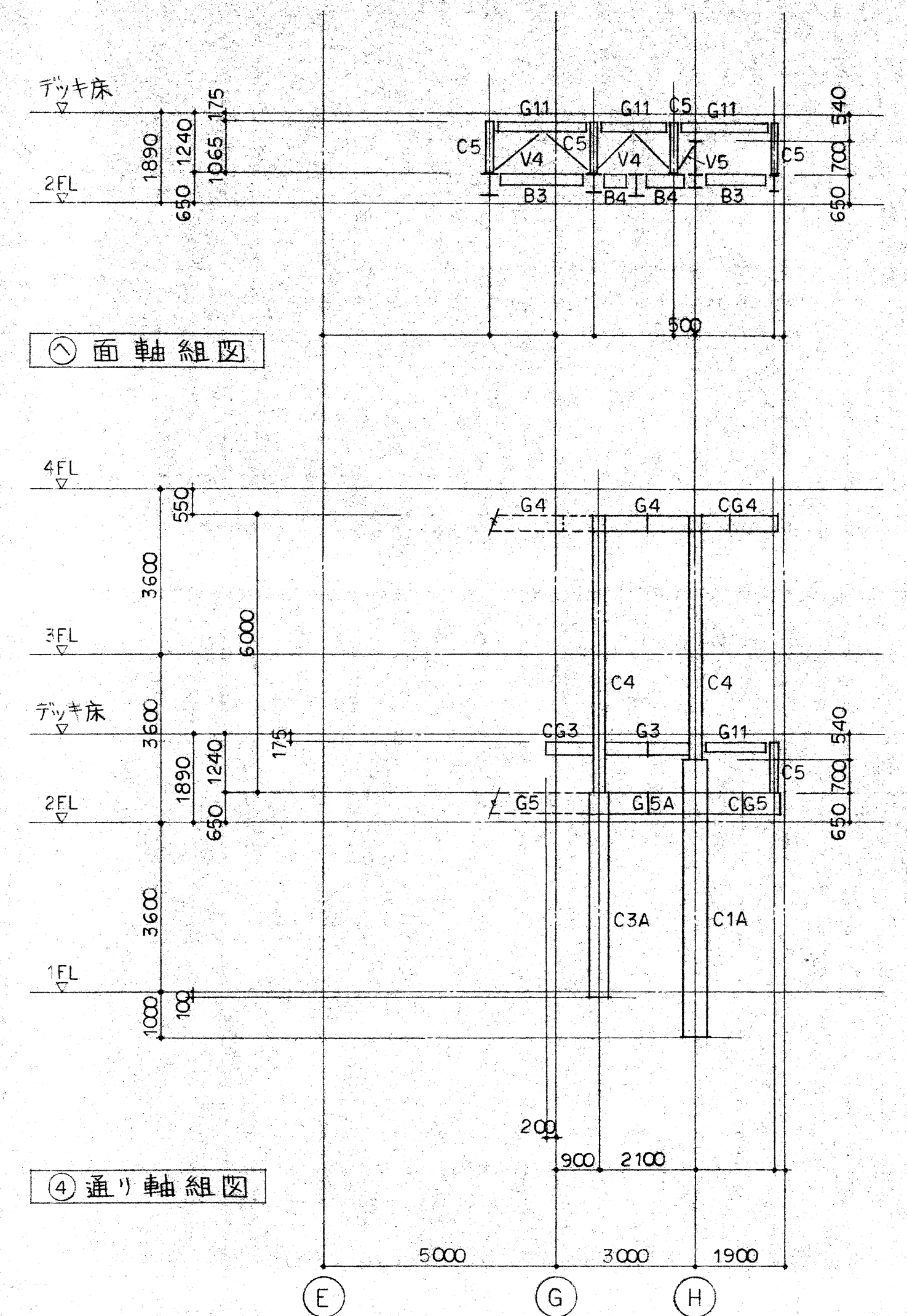
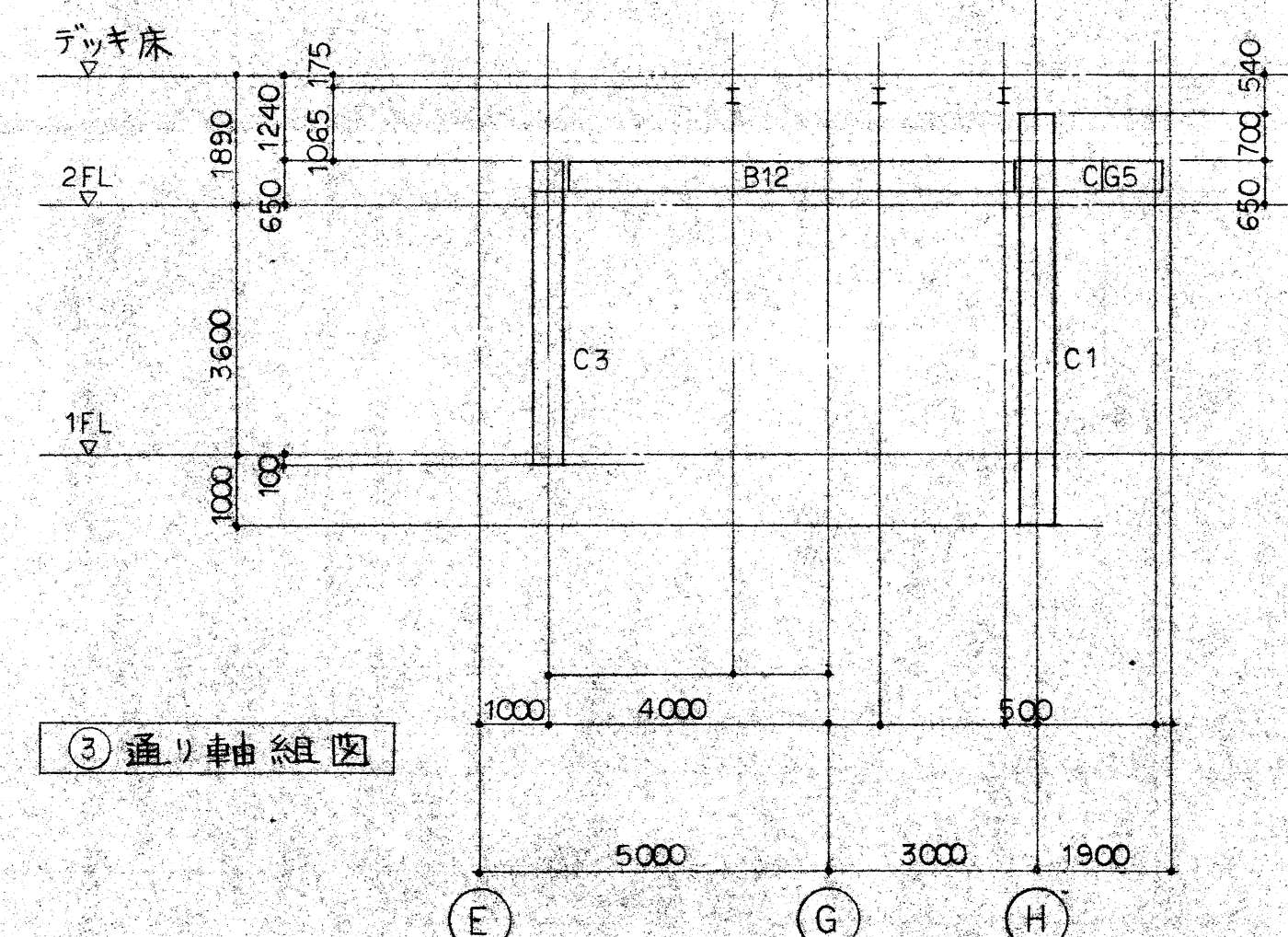
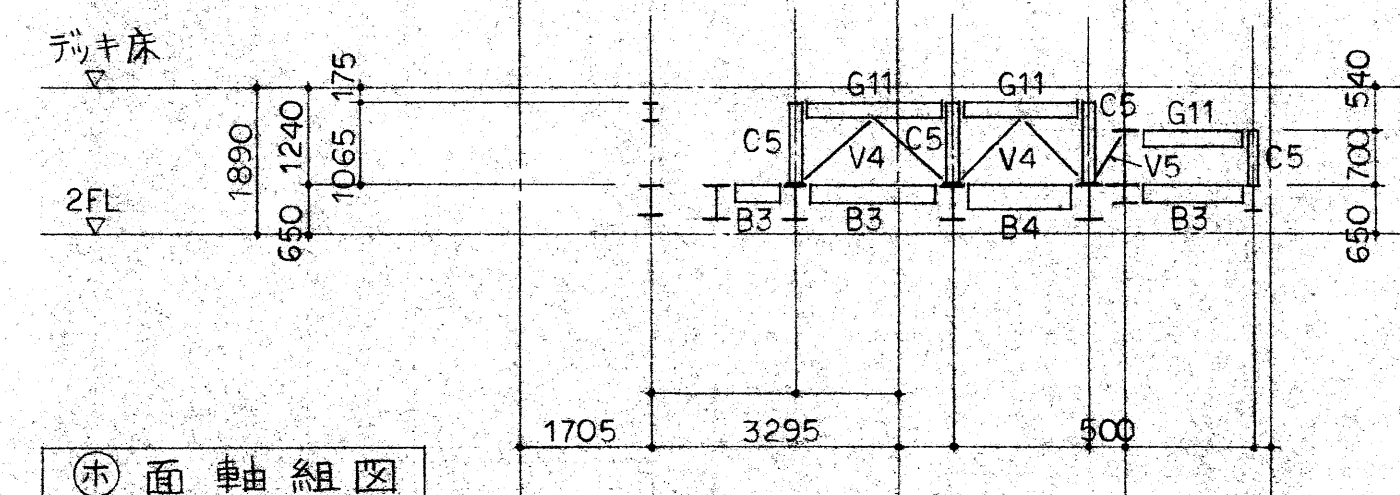
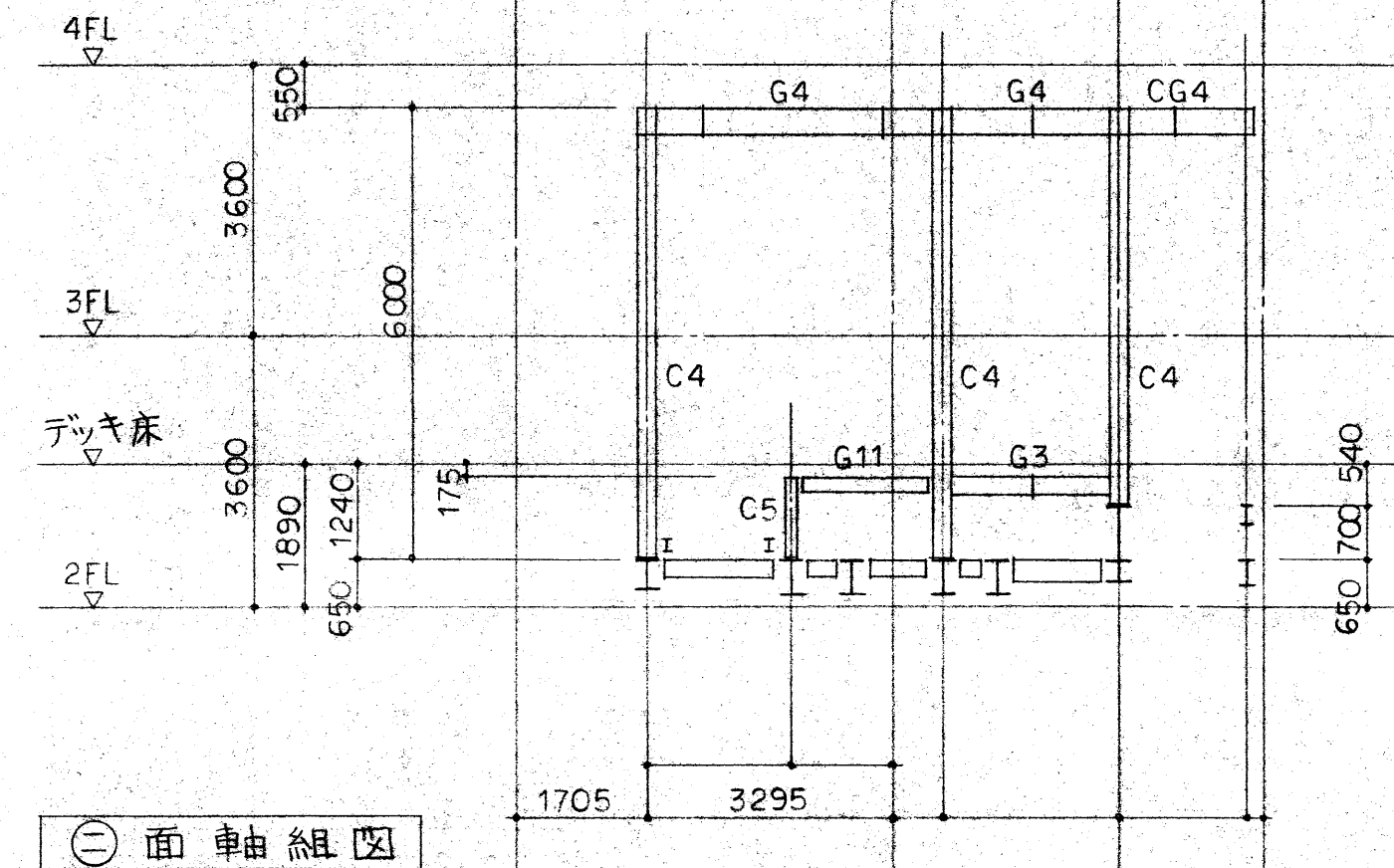
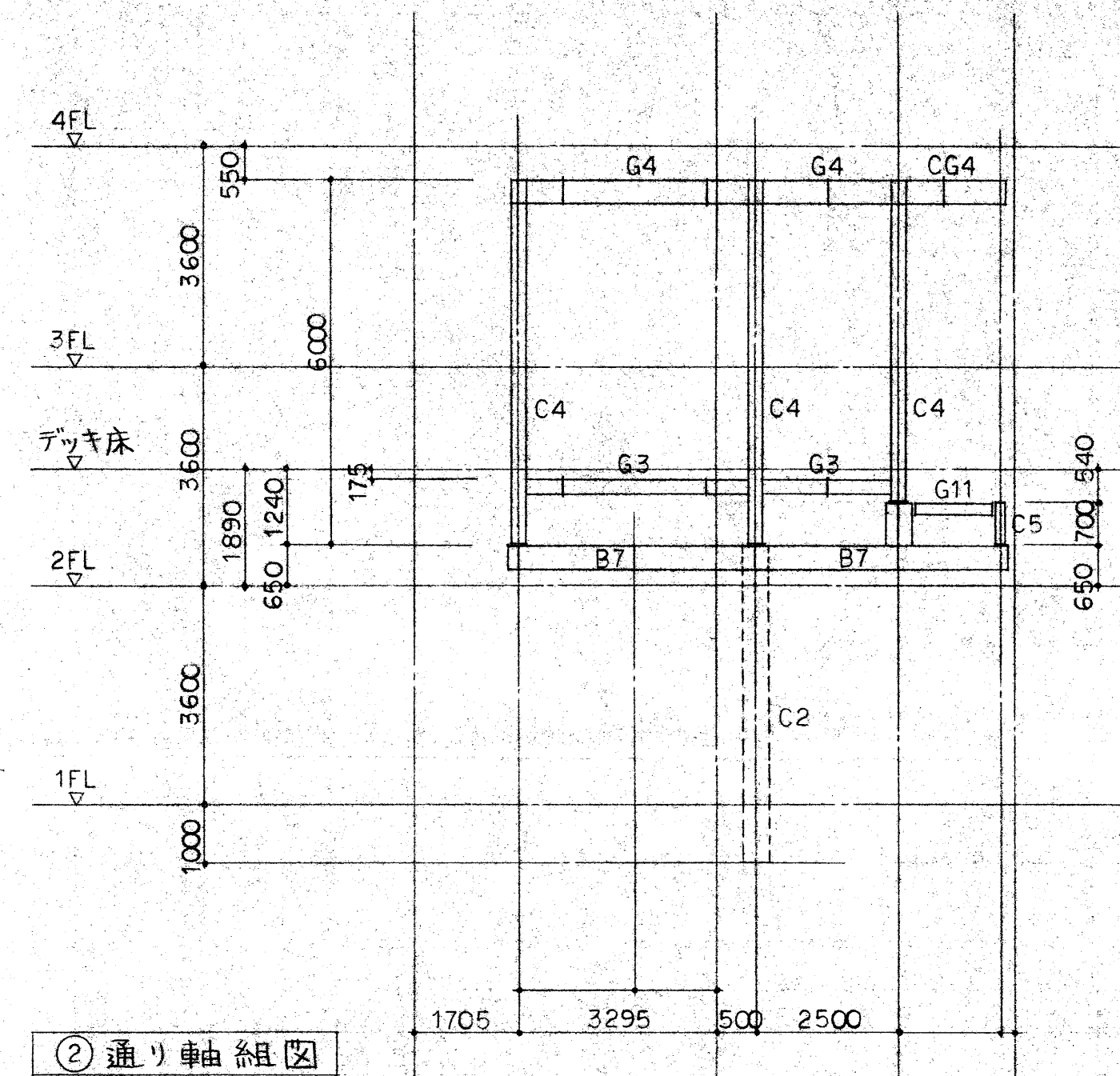
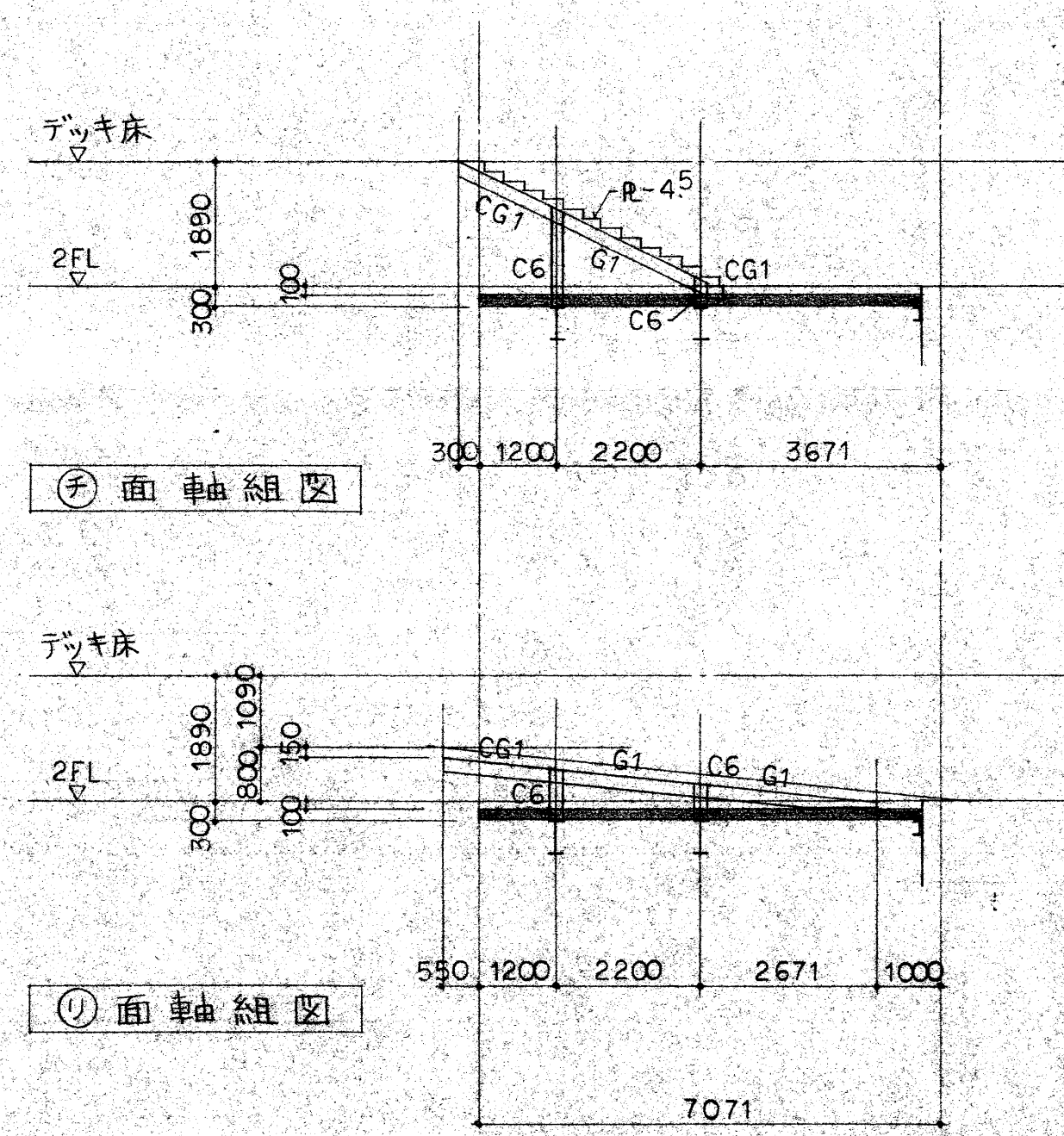
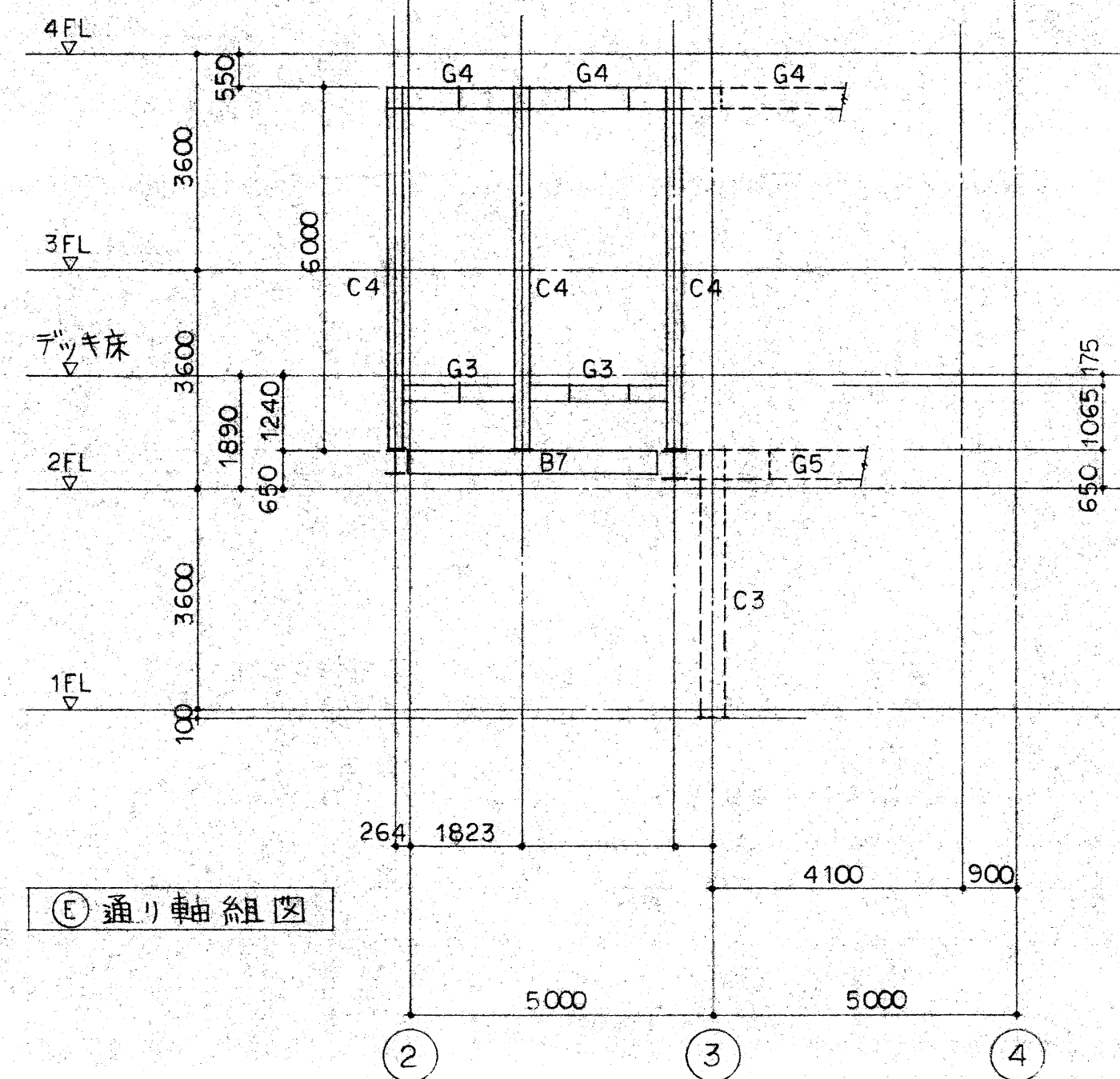
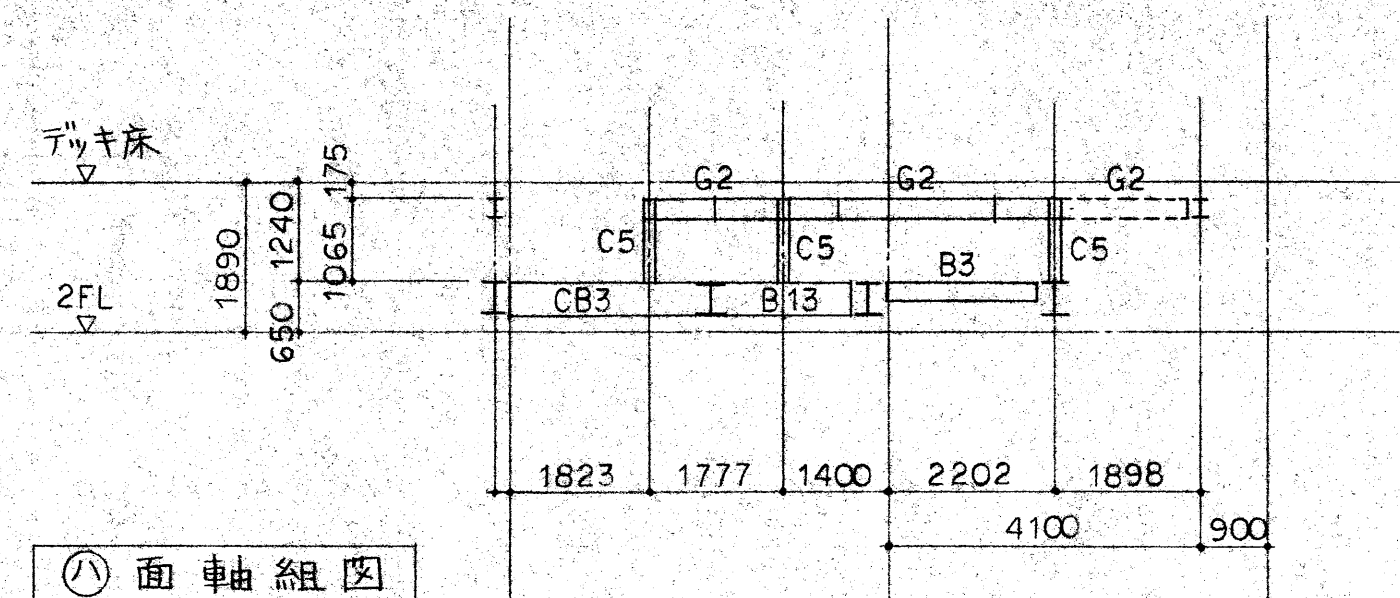
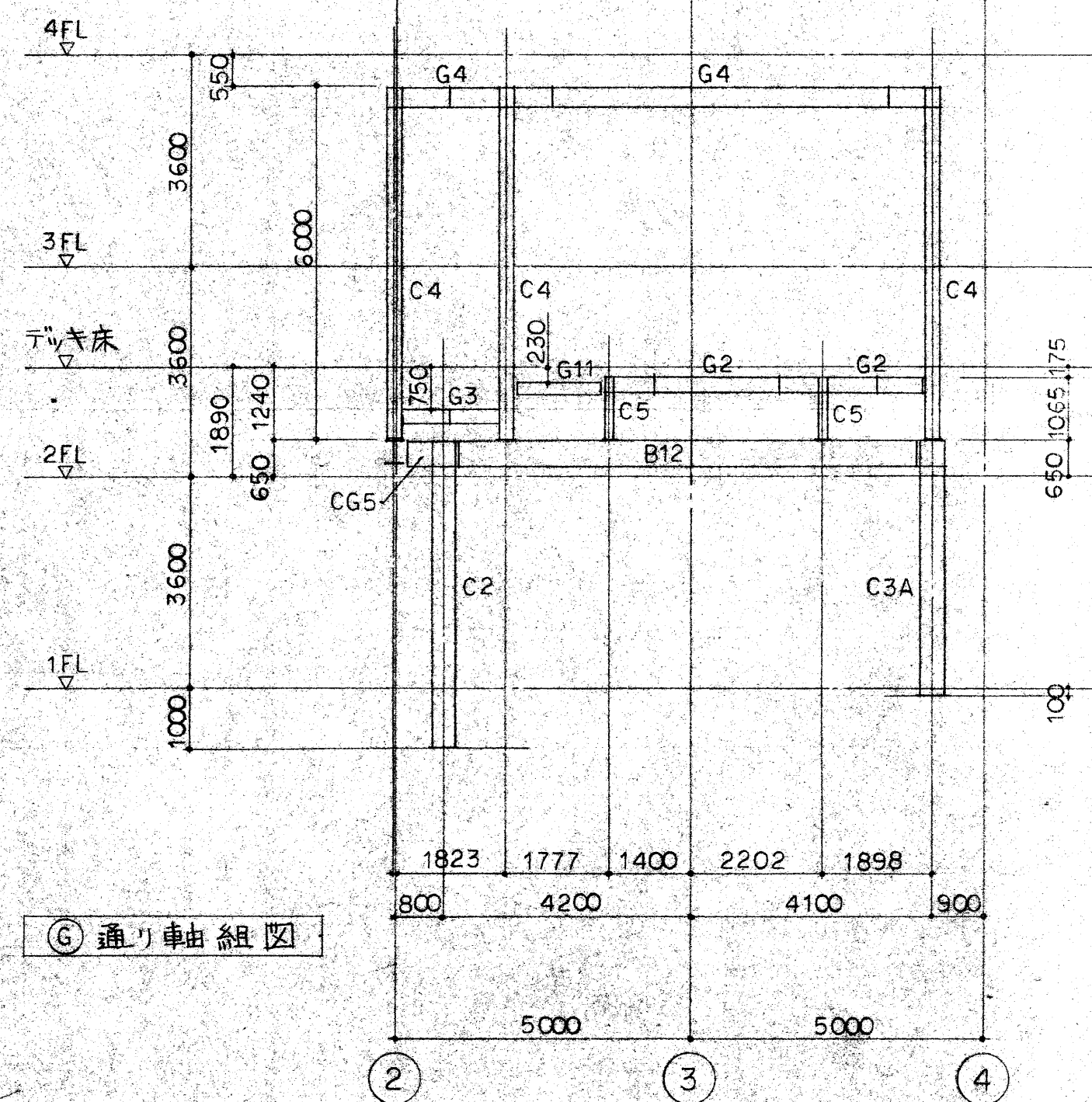
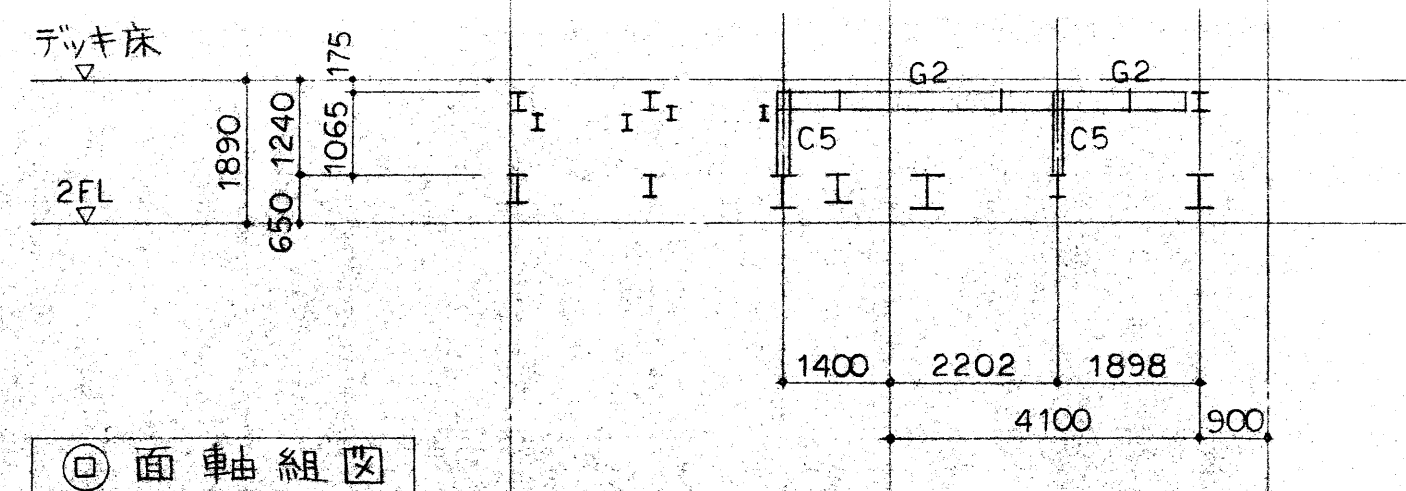
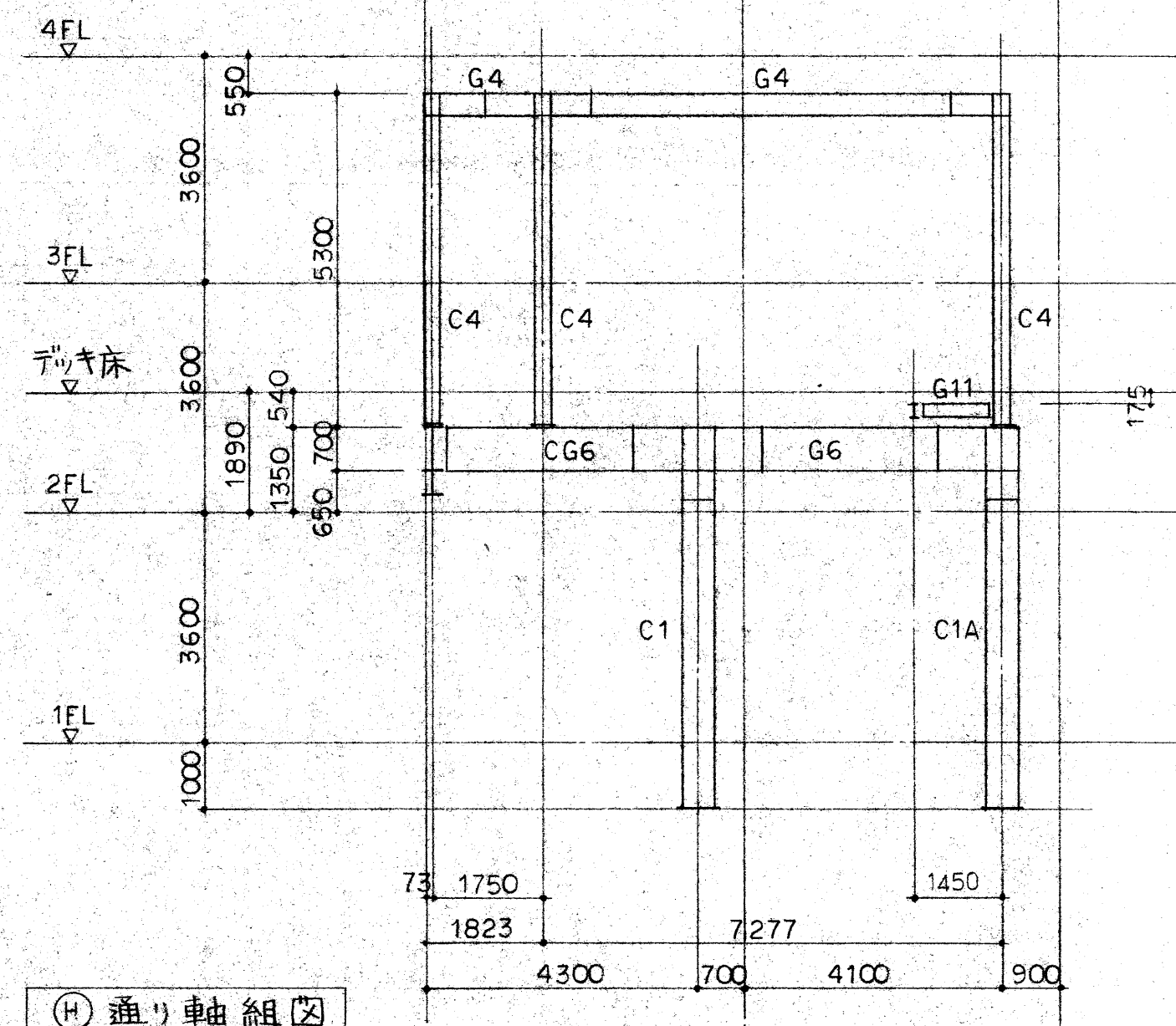
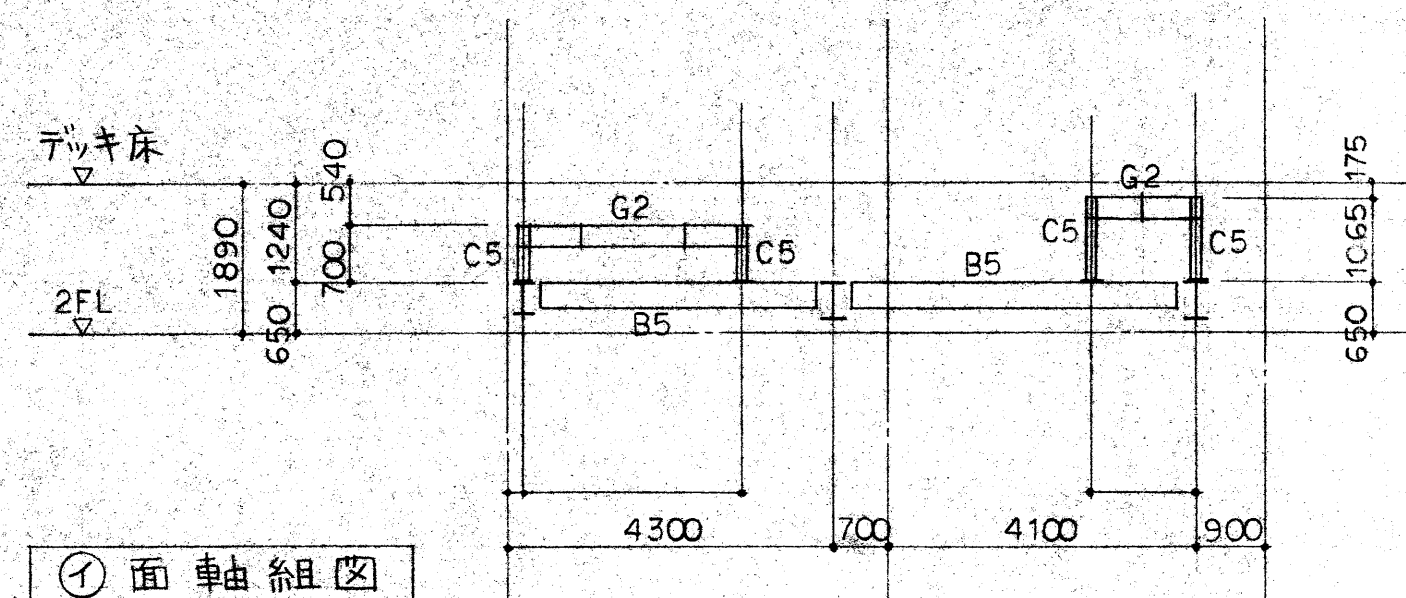
2FL
1FL

75, 125
200, 100

デッキプレート
(Uka T-12 同標準)

路 線 名					
工 事 名	府中駅北口歩道橋設置工事				
工事 発 注 者 名	府中市府中町一丁目1番地及び14番地				
図面名称	グリーンプラザ	縮 尺	1 / 100	図面 番号	33
	デッキ床、屋根伏図・部材断面表				
作成年月日	平成 年 月 日				
等 図 測 量 設 計	照 査 主 査	副主査	監 長	次 長	部 長

東京都府中市都市建設部

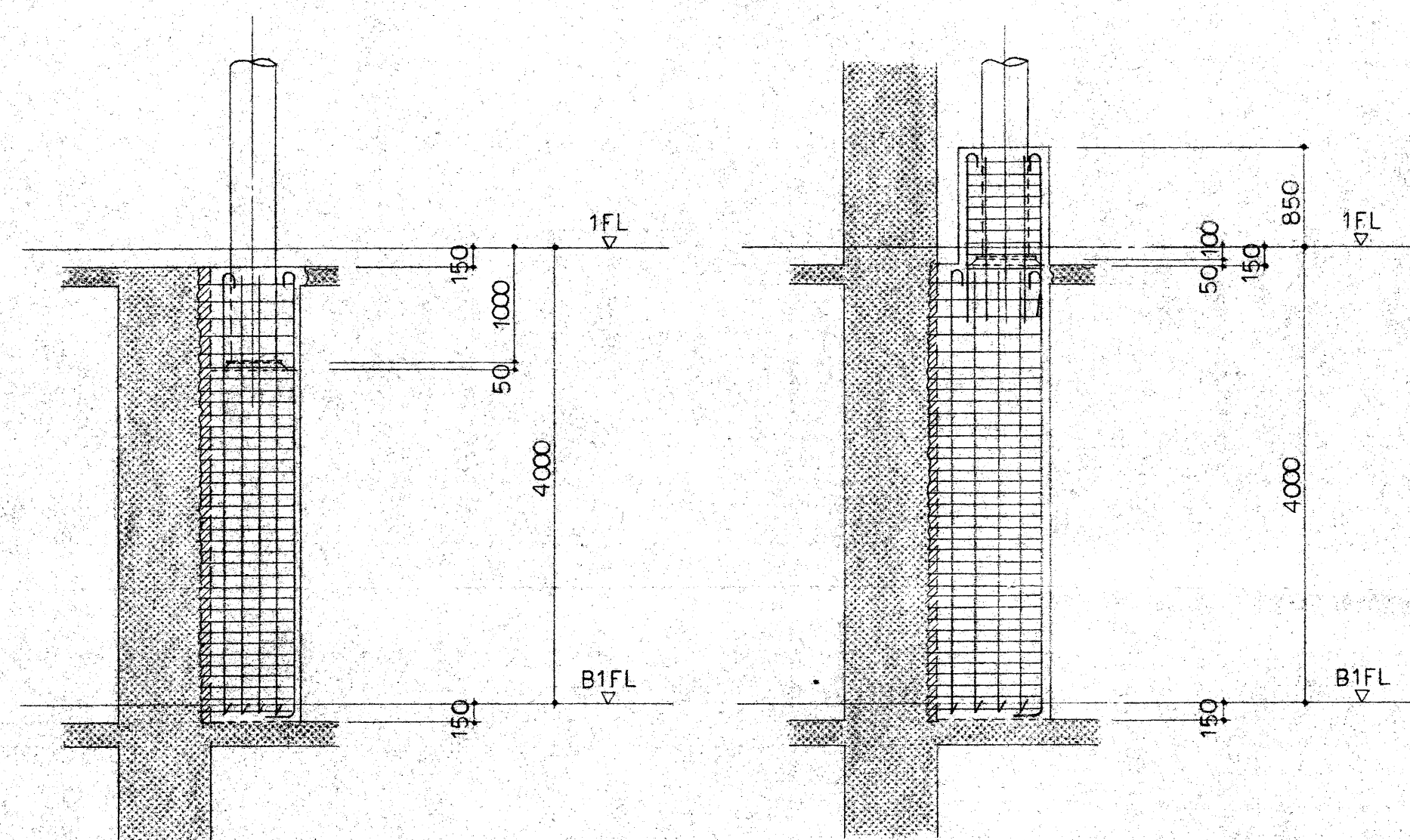


路線名			
工事名	府中駅北口歩道橋設置工事		
工事箇所又は橋名	府中市府中町一丁目1番地及び14番地		
図面名称	グリーンプラザ デゾネ補綴図	縮尺 1/100	図面番号 34
作成年月日	平成	年	月 日
写図	測量	設計	照査 主査 副主幹 課長 次長 部長
東京都府中市都市建設部			

(注)、帶筋は既設帶筋に溶接す。

符号	C1	C1A	C2
B1 階			
主筋	19 - D19	19 - D19	19 - D19
帯筋	D13 @ 100	D13 @ 100	D13 @ 100
備考			
符号	C3	C3A	
1 階			
主筋	12 - D19	12 - D19	
帯筋	D13 @ 100	D13 @ 100	
備考			
B1 階			
主筋	16 - D19	26 - D19	
帯筋	D13 @ 100	D13 @ 100	
備考			

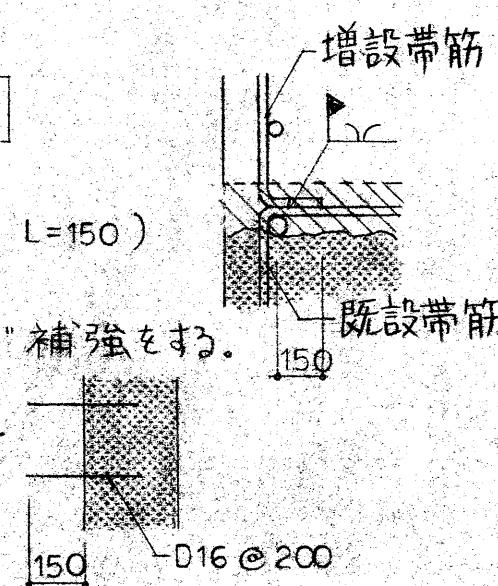
1/50



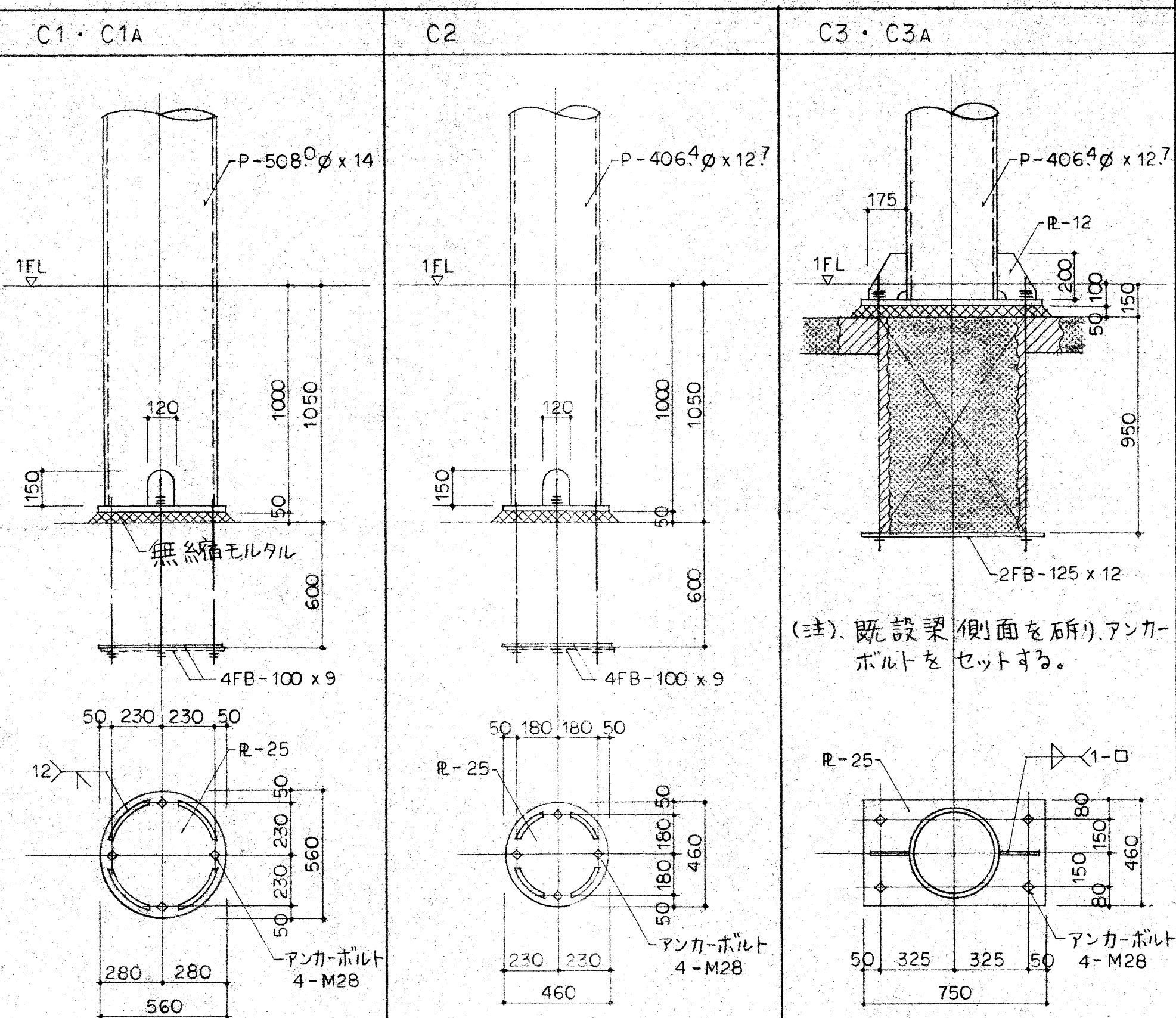
C1 · C1A · C2 柱

C3 · C3A 柱

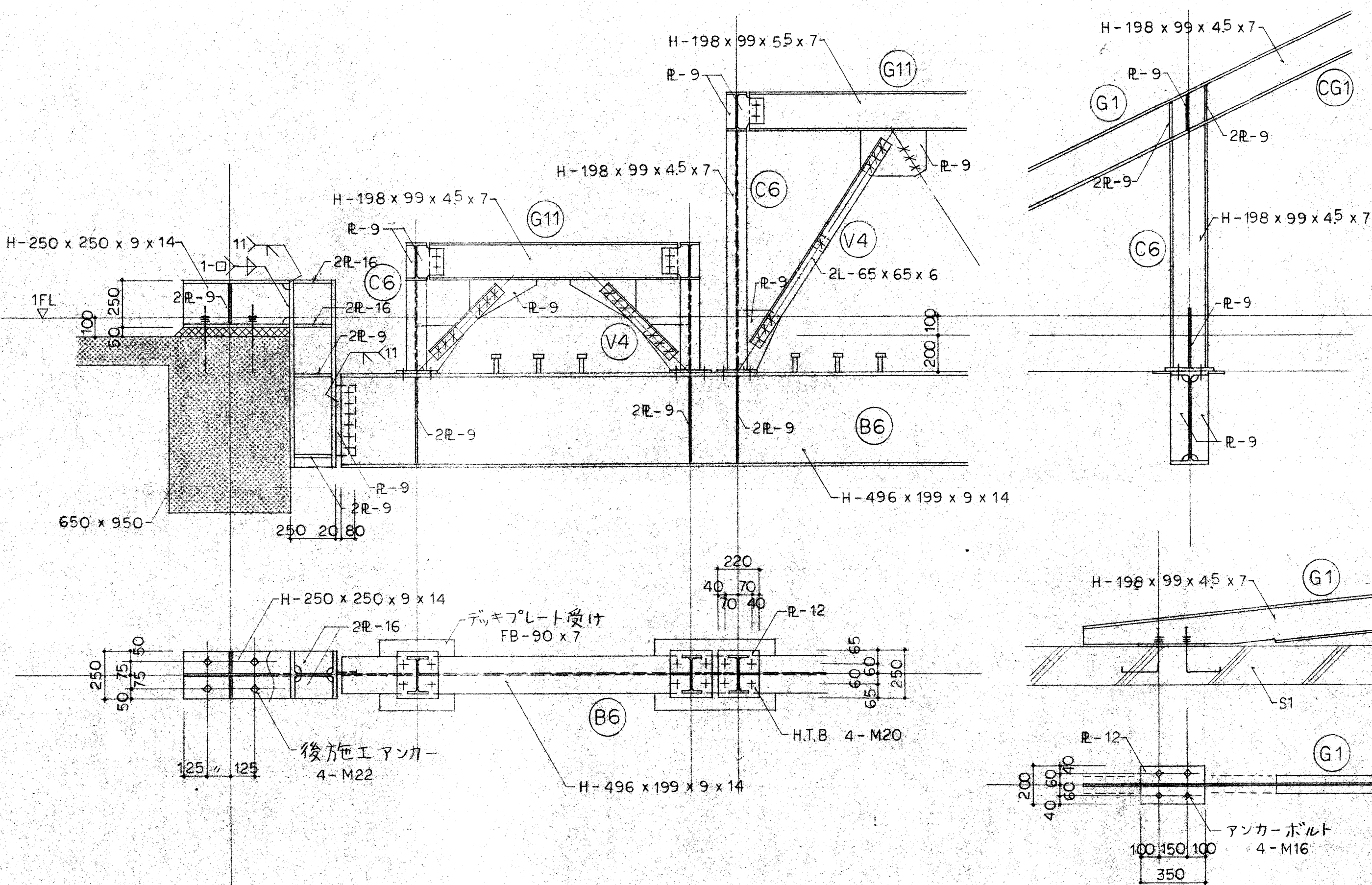
- (注) 1. 帯筋は既設柱の帯筋を研り出し溶接とする。(溶接長さ $L=150$)
2. その他の既設梁及び床スラブ面は目荒しとする。
3. 既設壁面は目荒しの上、5 (6) - D16@200 後施工アンカーで補強する。



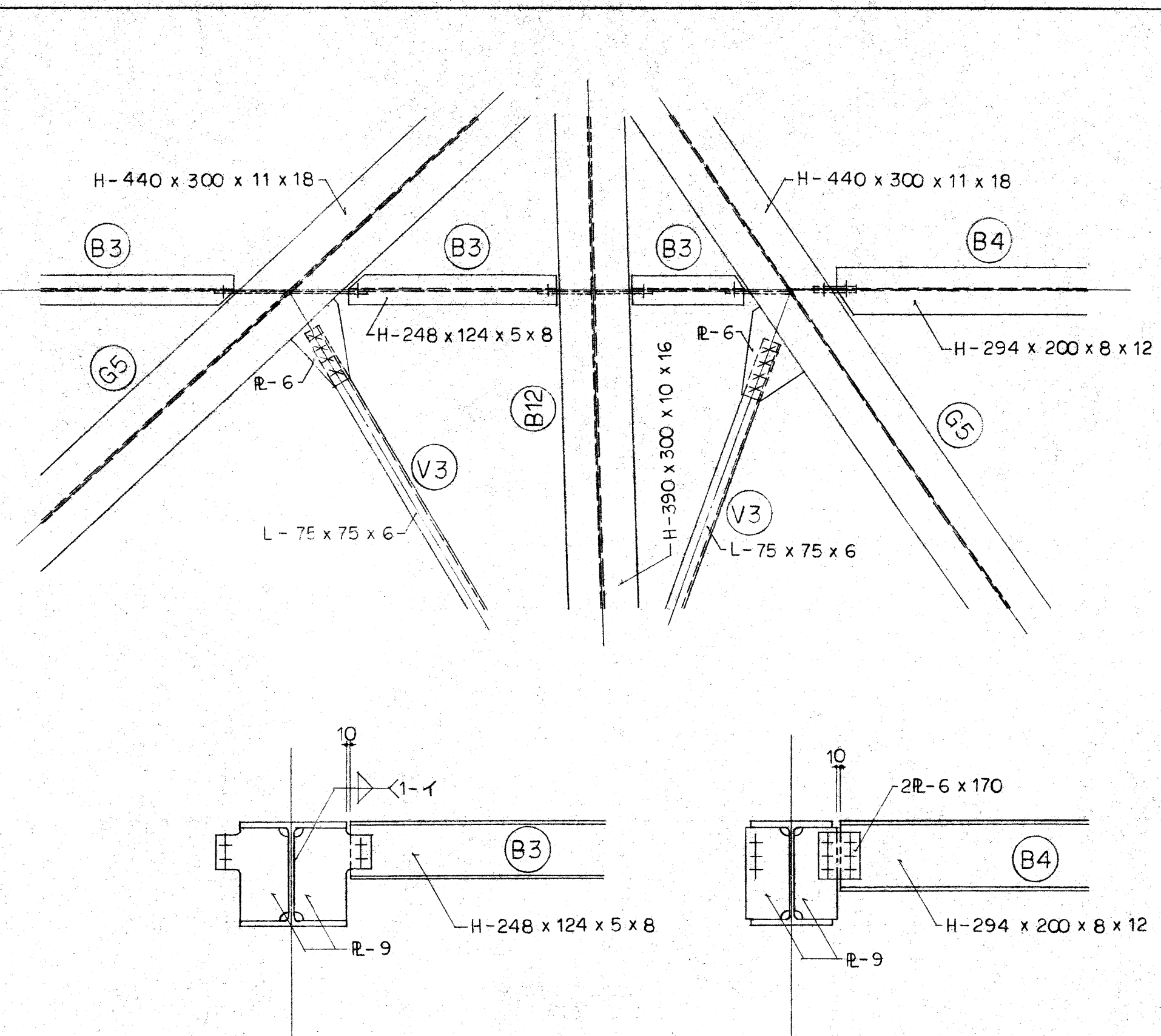
1/20



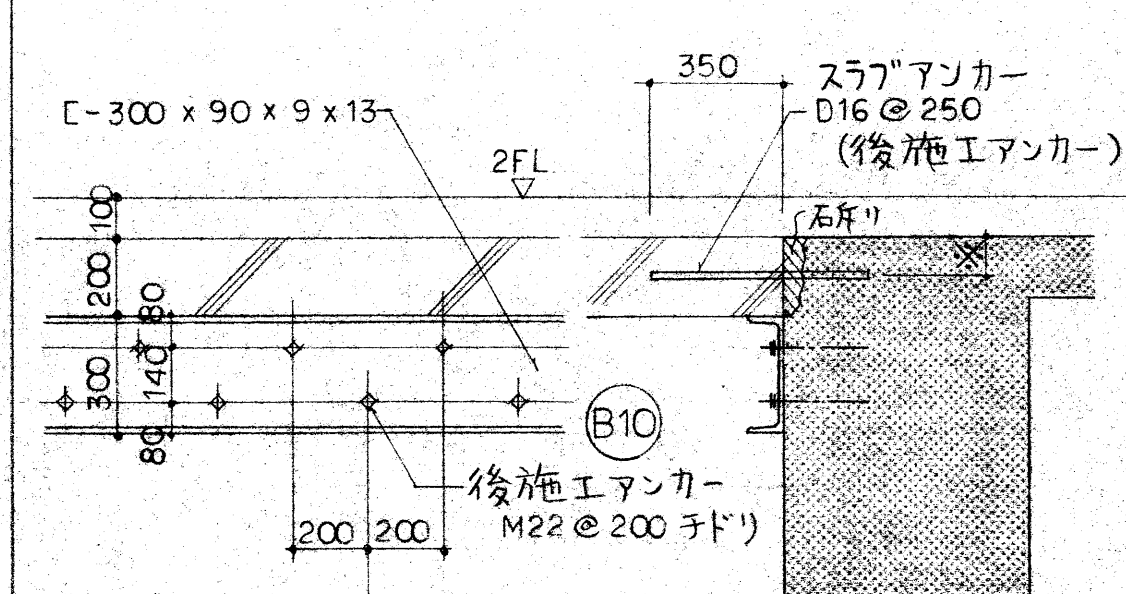
1/20



1/20



1/20



- (注) 既設梁面はグラインダー仕上げをする。
※印寸法は既設梁の主筋レベルに注意する。

路 線 名					
工 事 名	府中駅北口歩道橋設置工事				
工事 箇所 又は 橋名	府中市府中町一丁目1番地及び14番地				
図面名称	グリーンゾラ		縮 尺	1 50 20	図面番号 35
	柱補強配筋図、鉄骨詳細図 (1)				
作成年月日	平成		年	月	日
写 入	測 量	設 計	照 査	主 査	副主査
					課 長
					次 長
					部 長

東京都府中市都市建設部